

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
XÃ BẮC QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/NQ-HĐND

Bắc Quang, ngày 26 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước  
giai đoạn 2026-2030, xã Bắc Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BẮC QUANG KHÓA I,  
NHIỆM KỲ 2021-2026**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2025/NĐ-CP, ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP, ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh Tuyên Quang về quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030, tỉnh Tuyên Quang;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Bắc Quang tại Tờ trình số 165/TTr-UBND, ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030, xã Bắc Quang và Báo cáo thẩm tra số 19/BC-BKTNS, ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030, xã Bắc Quang, như sau:**

Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2026 - 2030 là **133.936 triệu đồng**. Cụ thể:

**1. Dự kiến bố trí từ nguồn XDCB tập trung:** 24.530 triệu đồng. Trong đó:

- Bố trí cho các dự án hoàn thành quyết toán: 5.436 triệu đồng.
- Bố trí cho các dự án dự kiến khởi công mới: 19.094 triệu đồng.

**2. Dự kiến bố trí từ nguồn thu tiền sử dụng đất:** 50.000 triệu đồng.

- Bố trí cho các dự án hoàn thành quyết toán: 10.638 triệu đồng.
- Bố trí cho các dự án hoàn thành chưa quyết toán: 2.722 triệu đồng.
- Bố trí cho các dự án đang thi công: 7.249 triệu đồng
- Bố trí cho các dự án dự kiến khởi công mới: 29.391 triệu đồng.

**3. Dự kiến bố trí từ nguồn vốn lồng ghép các nguồn vốn khác (đề nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ):** 59.406 triệu đồng.

- Bố trí cho các dự án hoàn thành quyết toán: 15.982 triệu đồng.
- Bố trí cho các dự án đang thi công: 13.859 triệu đồng
- Bố trí cho các dự án dự kiến khởi công mới: 29.565 triệu đồng.

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân xã Bắc Quang triển khai Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và pháp luật có liên quan. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thường xuyên rà soát tiến độ đầu tư của các công trình, tăng cường kiểm tra, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách; tránh lãng phí, thất thoát trong đầu tư xây dựng.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Bắc Quang khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 kỳ họp lần thứ Hai thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các đại biểu HĐND xã khoá I;
- Các cơ quan thuộc UBND xã;
- Công an xã;
- Kho bạc Nhà nước khu vực VIII, Phòng giao dịch số 21;
- LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT. *Stop*

**CHỦ TỊCH**



**Phan Ngọc Hiệp**



**TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG  
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, XÃ BẮC QUANG**

(Kèm theo Nghị quyết số 42 /NQ - HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của HĐND xã Bắc Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Phân loại nhóm dự án đầu tư công | Số dự án | Dự kiến và nhu cầu mức vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030 |                          |                                          |                                                              | Dự kiến kế hoạch vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 |                          |                                          |                                                              | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|----------|------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                  |          | Tổng số vốn                                                | Trong đó:                |                                          |                                                              | Tổng số vốn                                                           | Trong đó:                |                                          |                                                              |         |
|     |                                  |          |                                                            | Nguồn vốn XDCB tập trung | Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất | Lồng ghép các nguồn vốn khác (đề nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ) |                                                                       | Nguồn vốn XDCB tập trung | Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất | Lồng ghép các nguồn vốn khác (đề nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ) |         |
| 1   | 2                                | 3        | 4                                                          | 5                        | 6                                        | 7                                                            | 8                                                                     | 9                        | 10                                       | 11                                                           | 12      |
|     | TỔNG SỐ                          | 80       | 133.936                                                    | 24.530                   | 50.000                                   | 59.406                                                       | 133.936                                                               | 24.530                   | 50.000                                   | 59.406                                                       |         |
| 1   | Dự án hoàn thành quyết toán      | 59       | 32.056                                                     | 5.436                    | 10.638                                   | 15.982                                                       | 32.056                                                                | 5.436                    | 10.638                                   | 15.982                                                       |         |
| 2   | Dự án hoàn thành chưa quyết toán | 2        | 2.722                                                      | 0                        | 2.722                                    | -                                                            | 2.722                                                                 | 0                        | 2.722                                    | -                                                            |         |
| 3   | Dự án đang thi công              | 13       | 21.108                                                     | 0                        | 7.249                                    | 13.859                                                       | 21.108                                                                | 0                        | 7.249                                    | 13.859                                                       |         |
| 4   | Dự án dự kiến khởi công mới      | 6        | 78.050                                                     | 19.094                   | 29.391                                   | 29.565                                                       | 78.050                                                                | 19.094                   | 29.391                                   | 29.565                                                       |         |

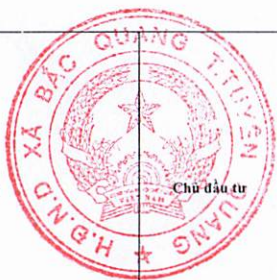
**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, XÃ BẮC QUANG**

(Kèm theo Nghị quyết số 42 /NQ - HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của HĐND xã Bắc Quang)

DVT: Triệu đồng

| STT | Danh mục dự án                                                                                                                              |  | Chủ đầu tư | Mã dự án | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | Quyết định phê duyệt dự toán, điều chỉnh (nếu có) duyệt quyết toán |                                | Lấy kế vốn đã bố trí từ khi KC đến thời điểm báo cáo |                                              | Số vốn còn thiếu so với dự toán, quyết toán và TMDT | Kế hoạch vốn cân đối NSDP giai đoạn 2026-2030 |                                |                |                                      | Ghi chú |                                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|----------|-------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------|----------------|--------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                             |                                                                                   |            |          |                   |                 | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành                           | TMDT                           |                                                      | Tổng số vốn đã bố trí (tất cả các nguồn vốn) |                                                     | Trong đó: NSNN                                | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó:      |                                      |         |                                                              |
|     |                                                                                                                                             |                                                                                   |            |          |                   |                 |                                                                    | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: CD NSDP                                    |                                              |                                                     |                                               |                                | Nguồn vốn XDCB | Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất |         | Lồng ghép các nguồn vốn khác (để nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ) |
| 1   | 2                                                                                                                                           | 3                                                                                 | 4          | 6        | 7                 | 8               | 9                                                                  | 10                             | 11                                                   | 12                                           | 13                                                  | 14                                            | 15                             | 16             | 17                                   | 18      |                                                              |
|     | TỔNG SỐ                                                                                                                                     |                                                                                   |            |          | 80                |                 | 401.105                                                            | 388.435                        | 267.170                                              | 259.696                                      | 133.936                                             | 133.936                                       | 24.530                         | 50.000         | 59.406                               |         |                                                              |
| 1   | Công trình hoàn thành quyết toán                                                                                                            |                                                                                   |            |          | 59                |                 | 222.740                                                            | 210.071                        | 190.685                                              | 183.750                                      | 32.055                                              | 32.056                                        | 5.436                          | 10.638         | 15.982                               |         |                                                              |
| 1   | Điểm trường Mầm non Thôn Khiếm, HM: Cải tạo nhà lớp học.                                                                                    | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058  | Cấp IV   | 2014              | 110/22/01/2014  | 1.356                                                              | 1.356                          | 1.283                                                | 1.283                                        | 73                                                  | 73                                            |                                |                | 73                                   |         |                                                              |
| 2   | Trường THCS Việt Vinh, HM: cải tạo sửa chữa dây nhà cấp VI, cổng trường sân bê tông bồn hoa                                                 | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058  | Cấp IV   | 2013              | 9786/28/11/2013 | 1.558                                                              | 1.558                          | 1.378                                                | 1.378                                        | 180                                                 | 180                                           |                                |                | 180                                  |         |                                                              |
| 3   | Cải tạo, sửa chữa khoa truyền nhiễm bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang                                                                     | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058  | Cấp IV   | 2020              | 1545/06/5/2020  | 1.135                                                              | 1.135                          | 1.000                                                | 1.000                                        | 135                                                 | 135                                           |                                |                | 135                                  |         |                                                              |
| 4   | Sửa chữa, đảm bảo giao thông đường Việt Quang - Việt Hồng                                                                                   | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058  | Cấp IV   | 2015              | 3444/30/9/2015  | 1.937                                                              | 1.937                          | 1.864                                                | 1.864                                        | 73                                                  | 73                                            |                                |                | 73                                   |         |                                                              |
| 5   | Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ tổ dân phố số 6 sang thôn Cầu Ham, thị trấn Việt Quang                                                     | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058  | Cấp IV   | 2017              | 5784/31/10/2017 | 1.880                                                              | 1.880                          | 1.600                                                | 1.600                                        | 280                                                 | 280                                           |                                |                | 280                                  |         |                                                              |
| 6   | Xây dựng NLH 2 tầng 8 phòng học Trường tiểu học Nguyễn Trãi                                                                                 | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058  | Cấp IV   | 2018              | 4697/30/10/2018 | 3.499                                                              | 3.499                          | 3.247                                                | 3.247                                        | 252                                                 | 252                                           |                                |                | 252                                  |         |                                                              |
| 7   | Cải tạo, sửa chữa trường Tiểu học Nguyễn Huệ, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang; hạng mục: Sửa chữa 02 nhà lớp học 02 tầng, 08 phòng học | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058  | Cấp IV   | 2020              | 3124/24/8/2020  | 923                                                                | 923                            | 903                                                  | 903                                          | 20                                                  | 20                                            |                                |                | 20                                   |         |                                                              |
| 8   | Trường THCS Nguyễn Trãi, HM: Cải tạo, sửa chữa 02 nhà lớp học 02 tầng 08 phòng học và xây cổng trường                                       | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058  | Cấp IV   | 2020              | 3123/24/8/2020  | 1.048                                                              | 1.048                          | 900                                                  | 900                                          | 148                                                 | 148                                           |                                |                | 148                                  |         |                                                              |
| 9   | Trường tiểu học Việt Vinh, HM: Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học, 2 nhà cấp IV và hạng mục khác                                        | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058  | Cấp IV   | 2019              | 1405/04/5/2019  | 2.339                                                              | 2.339                          | 2.107                                                | 2.107                                        | 232                                                 | 232                                           |                                |                | 232                                  |         |                                                              |
| 10  | Trường Tiểu học Nguyễn Trãi, HM: Cổng trường và tường rào, nhà bảo vệ                                                                       | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058  | Cấp IV   | 2018              | 1665/25/5/2018  | 728                                                                | 728                            | 400                                                  | 400                                          | 328                                                 | 328                                           |                                |                | 328                                  |         |                                                              |





| STT | Đanh mục dự án                                                                                                                                                                                            |  | Mã dự án  | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | Quyết định phê duyệt dự toán, điều chỉnh (nếu có) duyệt quyết toán |                                |                   | Lũy kế vốn đã bố trí từ khi KC đến thời điểm báo cáo |                | Số vốn còn thiếu so với dự toán, quyết toán và TMDT | Kế hoạch vốn cân đối NSDP giai đoạn 2026-2030 |                |                                      |                                                              | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                                                                                                           |                                                                                   |           |                   |                 | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành                           | TMDT                           |                   | Tổng số vốn đã bố trí (tất cả các nguồn vốn)         | Trong đó: NSNN |                                                     | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                | Trong đó:      |                                      |                                                              |         |
|     |                                                                                                                                                                                                           |                                                                                   |           |                   |                 |                                                                    | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: CD NSDP |                                                      |                |                                                     |                                               | Nguồn vốn XDCB | Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất | Lồng ghép các nguồn vốn khác (để nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ) |         |
| 1   | 2                                                                                                                                                                                                         | 3                                                                                 | 4         | 6                 | 7               | 8                                                                  | 9                              | 10                | 11                                                   | 12             | 13                                                  | 14                                            | 15             | 16                                   | 17                                                           | 18      |
| 25  | Cải tạo, sửa chữa nhà công vụ huyện thành nhà làm việc Văn phòng Huyện Ủy                                                                                                                                 | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2021-2022       | 13153/06/11/2024                                                   | 2.909                          | 2.909             | 2.849                                                | 2.849          | 60                                                  | 60                                            |                |                                      | 60                                                           |         |
| 26  | Xây dựng cơ sở làm việc Công an xã Việt Vinh                                                                                                                                                              | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2022            | 1525/08/4/2024                                                     | 3.555                          | 3.555             | 3.361,5                                              | 3.362          | 193                                                 | 193                                           |                |                                      | 193                                                          |         |
| 27  | Xây dựng cơ sở làm việc Công an thị trấn Việt Quang                                                                                                                                                       | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2022            | 438/05/02/2024                                                     | 3.549                          | 3.549             | 3.413,5                                              | 3.414          | 136                                                 | 136                                           |                |                                      | 136                                                          |         |
| 28  | Đường Lê Quý Đôn nối tiếp ra QL2 thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang                                                                                                                                     | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 8.110.075 | Cấp IV            | 2024            | 8527/12/4/2025                                                     | 2.501                          | 2.501             | 2.237                                                | 2.237          | 264                                                 | 264                                           |                | 264                                  |                                                              |         |
| 29  | Công trình: Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc Hạt Kiểm lâm (cũ) thành nhà làm việc Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Bắc Quang                                                                       | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2022            | 7412/15/12/2022                                                    | 471                            | 471               | 400                                                  | 400            | 71                                                  | 71                                            |                |                                      | 71                                                           |         |
| 30  | Cải tạo, sửa chữa Phòng Hạ tầng và Kinh tế                                                                                                                                                                | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2022            | 5500 22/8/2023                                                     | 813                            | 813               | 710                                                  | 710            | 103                                                 | 103                                           |                |                                      | 103                                                          |         |
| 31  | Sửa chữa cải tạo Hội trường lớn huyện                                                                                                                                                                     | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2021            | 9538 29/11/2021                                                    | 2.544                          | 2.544             | 2.462                                                | 2.462          | 82                                                  | 82                                            |                |                                      | 82                                                           |         |
| 32  | Nâng cấp, cải tạo đường lên khối cơ quan, huyện Bắc Quang                                                                                                                                                 | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 7.909.812 | Cấp IV            | 2020            | 6860/25/11/2023                                                    | 7.159                          | 7.159             | 6.934,2                                              | 6.934          | 224                                                 | 224                                           |                |                                      | 224                                                          |         |
| 33  | Nâng cấp, cải tạo đường Quang Minh - Vô Điểm đoạn từ Km0-Km7+400m (Giai đoạn 2).                                                                                                                          | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 7971983   | Cấp IV            | 2023            | 1155/29/3/2024                                                     | 14.264                         | 14.264            | 13.138                                               | 13.138         | 1.126                                               | 1.126                                         | 705            | 421                                  |                                                              |         |
| 34  | Cải tạo sửa chữa Trường Tiểu học Nguyễn Trãi, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang; Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa 02 nhà lớp học 2 tầng, sân trường và các hạng mục phụ trợ.                                | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2022            | 6260/27/9/2022                                                     | 3.144                          | 3.144             | 3.028                                                | 3.028          | 116                                                 | 116                                           |                |                                      | 116                                                          |         |
| 35  | Trường THPT Việt Vinh, huyện Bắc Quang; Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ khác                                                                                              | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2023            | 6945/22/11/2023                                                    | 5.743                          | 5.743             | 5.550                                                | 5.550          | 193                                                 | 193                                           |                |                                      | 193                                                          |         |
| 36  | Trường Tiểu học Việt Vinh hạng mục: Cải tạo, sửa chữa 02 nhà 02 tầng 1 nhà cấp IV, 5 gian 01 nhà cấp IV, 6 gian 01 nhà cấp IV, chín gian quy hoạch đất, xây dựng công trường và các hạng mục phụ trợ khác | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2024            | 10871/26/6/2025                                                    | 4.582                          | 4.582             | 4.390                                                | 4.390          | 192                                                 | 192                                           |                |                                      | 192                                                          |         |
| 37  | Trường tiểu học Tân Tiến, xã Quang Minh, Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa 03 nhà lớp học cấp IV, san lấp mặt bằng sân thể dục, cải tạo khuôn viên và công trình phụ trợ                                        | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2020            | 6939/20/11/2023                                                    | 6.639                          | 6.639             | 6.253                                                | 6.253          | 386                                                 | 386                                           |                |                                      | 386                                                          |         |



| STT | Danh mục dự án                                                                                                                                                                      |  | Mã dự án  | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | Quyết định phê duyệt dự toán, điều chỉnh (nếu có) duyệt quyết toán |                                |                   | Lũy kế vốn đã bố trí từ khi KC đến thời điểm báo cáo |                | Số vốn còn thiếu so với dự toán, quyết toán và TMDT | Kế hoạch vốn cân đối NSDP giai đoạn 2026-2030 |                |                                      |                                                              | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                                                                                     |                                                                                   |           |                   |                 | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành                           | TMDT                           |                   | Tổng số vốn đã bố trí (tất cả các nguồn vốn)         | Trong đó: NSNN |                                                     | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                | Trong đó:      |                                      |                                                              |         |
|     |                                                                                                                                                                                     |                                                                                   |           |                   |                 |                                                                    | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: CD NSDP |                                                      |                |                                                     |                                               | Nguồn vốn XDCB | Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất | Lồng ghép các nguồn vốn khác (đề nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ) |         |
| 1   | 2                                                                                                                                                                                   | 3                                                                                 | 4         | 6                 | 7               | 8                                                                  | 9                              | 10                | 11                                                   | 12             | 13                                                  | 14                                            | 15             | 16                                   | 17                                                           | 18      |
| 38  | Trường THCS Lương Thế Vinh thị trấn Việt Quang; Hạng mục: Bếp ăn học sinh; hệ thống đường dây cấp điện, hàng rào và các hạng mục phụ trợ khác                                       | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2016            | 7798 12/3/2025                                                     | 709                            | 709               | 690                                                  | 690            | 19                                                  | 19                                            |                |                                      | 19                                                           |         |
| 39  | Trường tiểu học Tân Tiến, xã Quang Minh, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang                                                                                                             | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2024            | 13891/03/12/2024                                                   | 4.827                          | 4.827             | 4.000                                                | 4.000          | 827                                                 | 827                                           |                |                                      | 827                                                          |         |
| 40  | Nâng cấp, cải tạo thủy lợi thôn Minh Lập xã Quang Minh                                                                                                                              | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2018-2020       | 1671/17/4/2024                                                     | 3.537                          | 3.537             | 3.440                                                | 3.440          | 97                                                  | 97                                            |                |                                      | 97                                                           |         |
| 41  | Sửa chữa, cải tạo nâng cấp tuyến kênh mương Nậm Tát thôn Minh Thắng xã Việt Vinh                                                                                                    | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2019-2020       | 6812/10/11/2023                                                    | 1.841                          | 1.841             | 1.000                                                | 1.000          | 841                                                 | 841                                           |                |                                      | 841                                                          |         |
| 42  | Tu sửa nạo vét thủy lợi tuyến kênh thôn Minh Thành xã Việt Vinh, huyện Bắc Quang                                                                                                    | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2019-2020       | 6931/20/11/2023                                                    | 1.780                          | 1.780             | 1.622                                                | 1.622          | 158                                                 | 158                                           |                |                                      | 158                                                          |         |
| 43  | Xây mới tuyến mương ống Hộc và Ống Vinh thôn Nậm Mông xã Việt Vinh                                                                                                                  | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2019-2020       | 6964/15/11/2022                                                    | 2.790                          | 2.790             | 2.043                                                | 2.043          | 747                                                 | 747                                           |                |                                      | 747                                                          |         |
| 44  | Xây mới tuyến mương Nậm Tát thôn Việt Tân, tuyến mương từ nhà ông Triệu Giảo Mãnh đến nhà ông Phan Sánh Phú thôn Việt Tân và tuyến thủy lợi Nà Chập thôn Tân Tạo xã Việt Vinh       | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2020-2021       | 4830/18/7/2022                                                     | 1.841                          | 1.841             | 960                                                  | 960            | 881                                                 | 881                                           |                |                                      | 881                                                          |         |
| 45  | Nâng cấp, cải tạo hệ thống thủy lợi Ké Tào, Nà Quáo và 01 phai đập nhỏ thôn Minh Thượng xã Quang Minh huyện Bắc Quang                                                               | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2020-2021       | 3167/10/4/2023                                                     | 3.196                          | 3.196             | 2.900                                                | 2.900          | 296                                                 | 296                                           |                |                                      | 296                                                          |         |
| 46  | Sửa chữa khắc phục thủy lợi thôn Thượng Mỹ Việt Vinh                                                                                                                                | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2024-2025       | 13607/22/11/2024                                                   | 6.276                          | 6.276             | 6.276                                                | 6.276          | -                                                   |                                               |                |                                      |                                                              |         |
| 47  | Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ QL 2 tổ 6 vào thôn Cầu Ham thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang                                                                                    | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2020-2022       | 716/02/3/2023                                                      | 5.177                          | 5.177             | 4.429                                                | 4.429          | 748                                                 | 748                                           |                | 748                                  |                                                              |         |
| 48  | Hệ thống rãnh dọc thoát nước + nắp cống thoát nước đoạn đường Lê Quý Đôn điểm đầu nối với đường vào thôn Thanh Tân thị trấn Việt Quang                                              | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2020-2022       | 6975/16/11/2022                                                    | 3.860                          | 3.860             | 3.753,5                                              | 3.754          | 107                                                 | 107                                           |                |                                      | 107                                                          |         |
| 49  | Công viên cây xanh Thanh Bình huyện Bắc Quang; Hạng mục: Sân khấu, đường dạo, sân trung tâm, bồn cỏ và điện chiếu sáng tổng thể                                                     | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2020-2022       | 6977/16/11/2022                                                    | 4.671                          | 4.671             | 3.764                                                | 3.764          | 907                                                 | 907                                           |                |                                      | 907                                                          |         |
| 50  | Chào mừng ĐH Đảng xã Việt Vinh, HM: NC, CT, SC nhà Hội trường VH xã nối bổ sung 02 gian, CT SC nhà làm việc cấp IV, 5 gian thành Nhà làm việc BCH quân sự xã và các HM phụ trợ khác | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            | 1.032.058 | Cấp IV            | 2024-2025       | 8405/03/4/2025                                                     | 1.414                          | 1.414             | 1.240                                                | 1.240          | 174                                                 | 174                                           |                |                                      | 174                                                          |         |



| STT | <div><div>Danh mục dự án</div><div></div><div>Chủ đầu tư</div></div>                    | Mã dự án               | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT      | Quyết định phê duyệt dự toán, điều chỉnh (nếu có) duyệt quyết toán |                                 |                   | Lũy kế vốn đã bố trí từ khi KC đến thời điểm báo cáo |                | Số vốn còn thiếu so với dự toán, quyết toán và TMDT | Kế hoạch vốn cân đối NSDP giai đoạn 2026-2030 |                |                                      |                                                              | Ghi chú |        |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------|--------|
|     |                                                                                                                                                                          |                        |                   |                      | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành                           | TMDT                            |                   | Tổng số vốn đã bố trí (tất cả các nguồn vốn)         | Trong đó: NSNN |                                                     | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                | Trong đó:      |                                      |                                                              |         |        |
|     |                                                                                                                                                                          |                        |                   |                      |                                                                    | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)  | Trong đó: CD NSDP |                                                      |                |                                                     |                                               | Nguồn vốn XDCB | Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất | Lồng ghép các nguồn vốn khác (đề nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ) |         |        |
| 1   | 2                                                                                                                                                                        | 3                      | 4                 | 6                    | 7                                                                  | 8                               | 9                 | 10                                                   | 11             | 12                                                  | 13                                            | 14             | 15                                   | 16                                                           | 17      | 18     |
| 3   | Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường nội thị thị trấn Việt Quang và các hạng mục phụ trợ (Giai đoạn 1)                                                                      | Văn phòng HĐND-UBND xã | 1.032.058         | Cấp IV               | 2025                                                               | 8370/02/4/2025; 10964/27/6/2025 | 18.429            | 18.429                                               | 14.000         | 14.000                                              | 4.429                                         | 4.429          |                                      | 2.215                                                        | 2.214   |        |
| 4   | Trường THCS Lương Thế Vinh. Hạng mục: Xây nhà lưu trú học sinh 2 tầng, kê chống sạt lở                                                                                   | Văn phòng HĐND-UBND xã | 1.032.058         | Cấp IV               | 2025-2026                                                          | 7972/27/3/2025                  | 6.997             | 6.997                                                | 4.785          | 4.785                                               | 2.212                                         | 2.212          |                                      |                                                              | 2.212   |        |
| 5   | Trường tiểu học Nguyễn Huệ. Hạng mục: Xây dựng 01 nhà lớp học 3 tầng 9 phòng học nhà vệ sinh giáo viên và các hạng mục phụ trợ                                           | Văn phòng HĐND-UBND xã | 1.032.058         | Cấp IV               | 2025-2026                                                          | 7972/27/3/2025                  | 5.886             | 5.886                                                | 4.500          | 4.500                                               | 1.386                                         | 1.386          |                                      |                                                              | 1.386   |        |
| 6   | Trường tiểu học Việt Vinh HM xây mới NLH 2 tầng 6 phòng                                                                                                                  | Văn phòng HĐND-UBND xã | 1.032.058         | Cấp IV               | 2025-2026                                                          | 8386 3/4/2025                   | 3.532             | 3.532                                                | 1.600          | 1.600                                               | 1.932                                         | 1.932          |                                      | 298                                                          | 1.634   |        |
| 7   | Trường Mầm non Quang Minh. Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa 02 nhà lớp học 02 tầng 8 phòng; Cải tạo sửa chữa 01 nhà hiệu bộ 04 gian và các hạng mục phụ trợ                   | Văn phòng HĐND-UBND xã | 1.032.058         | Cấp IV               | 2025-2026                                                          | 8442/10/4/2025                  | 2.000             | 2.000                                                | 1.700          | 1.400                                               | 300                                           | 300            |                                      |                                                              | 300     |        |
| 8   | Trường THCS Quang Minh, hạng mục: Sửa chữa 01 nhà 2 tầng 8 phòng học 01 nhà lớp học 2 tầng 6 phòng học; xây mới nhà vệ sinh giáo viên và các hạng mục phụ trợ khác       | Văn phòng HĐND-UBND xã | 1.032.058         | Cấp IV               | 2025-2026                                                          | 8333/28/3/2025                  | 4.198             | 4.198                                                | 1.722          | 1.722                                               | 2.476                                         | 2.476          |                                      |                                                              | 2.476   |        |
| 9   | Sửa chữa nâng cấp thủy lợi Nà Nhom thôn Thanh Tân thị trấn Việt Quang                                                                                                    | Văn phòng HĐND-UBND xã | 1.032.058         | Cấp IV               | 2025-2026                                                          | 8567/14/4/2025                  | 1.454             | 1.454                                                | 1.339          | 1.100                                               | 115                                           | 115            |                                      |                                                              | 115     |        |
| 10  | Nâng cấp, sửa chữa hệ thống kênh mương thôn Minh Thắng, Hoàng Văn Thụ xã Quang Minh, huyện Bắc Quang                                                                     | Văn phòng HĐND-UBND xã | 1.032.058         | Cấp IV               | 2025-2026                                                          | 8369/02/4/2025                  | 1.999             | 1.999                                                | 1.720          | 1.720                                               | 279                                           | 279            |                                      |                                                              | 279     |        |
| 11  | Xây dựng mới cầu (trần) và các hạng mục phụ trợ khác thôn Thượng Mỹ, xã Việt Vinh                                                                                        | Văn phòng HĐND-UBND xã | 1.032.058         | Cấp IV               | 2025-2026                                                          | 10723/23/6/2025                 | 4.496             | 4.496                                                | 2.000          | 2.000                                               | 2.496                                         | 2.496          |                                      | 1.248                                                        | 1.248   |        |
| 12  | Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang HM CT SC khu nhà mổ và trung tâm thận nhân tạo 02 khối nhà điều trị 3 tầng 1 khối nhà điều trị khoa sản và các hạng mục phụ trợ khác | Văn phòng HĐND-UBND xã | 1.032.058         | Cấp IV               | 2025-2026                                                          | 9990/29/05/2025                 | 14.998            | 14.998                                               | 14.500         | 14.500                                              | 498                                           | 498            |                                      |                                                              | 498     |        |
| 13  | Cải tạo hệ thống đường điện, Trạm biến áp khu vực dân cư thôn Cầu Ham, thị trấn Việt Quang                                                                               | Văn phòng HĐND-UBND xã | 1.032.058         | Cấp IV               | 2023-2024                                                          | 9872/02/8/2024                  | 4.905             | 4.905                                                | 3.500          | 3.500                                               | 1.405                                         | 1.405          |                                      | 1.405                                                        |         |        |
| IV  | CÁC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030                                                                                                                         |                        |                   |                      |                                                                    | 6                               |                   | 78.050                                               | 78.050         | -                                                   | -                                             | 78.050         | 78.050                               | 19.094                                                       | 29.391  | 29.565 |
| a   | Lĩnh vực giao thông, hạ tầng kỹ thuật                                                                                                                                    |                        |                   |                      |                                                                    | 4                               |                   | 55.500                                               | 55.500         | 0                                                   | 0                                             | 55.500         | 55.500                               | 19.094                                                       | 16.591  | 19.815 |
| 1   | Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo hệ thống cống, rãnh thoát nước rải bê tông asphalt toàn bộ mặt đường, tổng chiều dài tuyến là 1,4km, phố Phan Bội Châu                       | Văn phòng HĐND-UBND xã |                   | 1,4km , đường cấp IV | 2026-2028                                                          | Khải toán                       | 8.500             | 8.500                                                |                |                                                     | 8.500                                         | 8.500          | 5.000                                | 3.500                                                        |         |        |

| STT | Đanh mục dự án                                                                                                                                       |  | Chủ đầu tư | Mã dự án   | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | Quyết định phê duyệt dự toán, điều chỉnh (nếu có) duyệt quyết toán |                                | Lũy kế vốn đã bố trí từ khi KC đến thời điểm báo cáo |                                              | Số vốn còn thiếu so với dự toán, quyết toán và TMDT | Kế hoạch vốn cân đối NSDP giai đoạn 2026-2030 |                                |                |                                      | Ghi chú |                                                              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|-------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------|----------------|--------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                      |                                                                                   |            |            |                   |                 | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành                           | TMDT                           |                                                      | Tổng số vốn đã bố trí (tất cả các nguồn vốn) |                                                     | Trong đó: NSNN                                | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó:      |                                      |         |                                                              |
|     |                                                                                                                                                      |                                                                                   |            |            |                   |                 |                                                                    | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: CD NSDP                                    |                                              |                                                     |                                               |                                | Nguồn vốn XDCB | Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất |         | Lồng ghép các nguồn vốn khác (đề nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ) |
| 1   | 2                                                                                                                                                    | 3                                                                                 | 4          | 6          | 7                 | 8               | 9                                                                  | 10                             | 11                                                   | 12                                           | 13                                                  | 14                                            | 15                             | 16             | 17                                   | 18      |                                                              |
| 2   | Lát đá vỉa hè các khu trung tâm, dọc quốc lộ 2 (Tại các thôn 3, 5): Lát đá vỉa hè, sửa chữa hệ thống rãnh dọc thoát nước ... tổng chiều dài là 1,5km | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            |            | Cấp IV     | 2026-2030         | Khái toán       | 22.500                                                             | 22.500                         |                                                      |                                              | 22.500                                              | 22.500                                        | 6.594                          | 6.091          | 9.815                                |         |                                                              |
| 3   | Lát đá vỉa hè các khu trung tâm, dọc quốc lộ 2 (Tại các thôn 6,7): Lát đá vỉa hè, sửa chữa hệ thống rãnh dọc thoát nước ... tổng chiều dài là 1,5km  | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            |            | Cấp IV     | 2026-2030         | Khái toán       | 22.500                                                             | 22.500                         |                                                      |                                              | 22.500                                              | 22.500                                        | 6.500                          | 6.000          | 10.000                               |         |                                                              |
| 4   | Công trình đường giao thông nội vùng, hệ thống điện chiếu sáng và các hạng mục phục vụ khu quy hoạch cấp đất các hộ giai đoạn 1998-2000              | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            |            | Cấp IV     | 2026-2028         | Khái toán       | 2.000                                                              | 2.000                          |                                                      |                                              | 2.000                                               | 2.000                                         | 1.000                          | 1.000          |                                      |         |                                                              |
| c   | Lĩnh vực thủy lợi                                                                                                                                    |                                                                                   |            |            | 1                 |                 | 19.750                                                             | 19.750                         | -                                                    | -                                            | 19.750                                              | 19.750                                        | -                              | 10.000         | 9.750                                |         |                                                              |
| 1   | Cải tạo, nâng cấp nạo vét lòng hồ xã Quang Minh và các hạng mục phụ trợ khác (giai đoạn 2)                                                           | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            |            | Cấp IV     | 2026-2030         | Khái toán       | 19.750                                                             | 19.750                         |                                                      |                                              | 19.750                                              | 19.750                                        |                                | 10.000         | 9.750                                |         |                                                              |
| c   | Quy hoạch xây dựng                                                                                                                                   |                                                                                   |            |            | 1                 |                 | 2.800                                                              | 2.800                          | -                                                    | -                                            | 2.800                                               | 2.800                                         | -                              | 2.800          | -                                    |         |                                                              |
| 1   | Lập Quy hoạch Chung xã Bắc Quang                                                                                                                     | Văn phòng HĐND-UBND xã                                                            |            | 141,93 km2 | 2026-2030         | Khái toán       | 2.800                                                              | 2.800                          |                                                      |                                              | 2.800                                               | 2.800                                         |                                | 2.800          |                                      |         |                                                              |